

Đơn vị báo cáo:...

Biểu số 042-DBTK

BÁO CÁO HUY ĐỘNG VỐN TỪ KHÁCH HÀNG THEO LOẠI HÌNH SẢN PHẨM

(Tháng.....năm.....)

Đơn vị tính: Triệu VND

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

15.4	Có kỳ hạn từ trên 24 tháng đến 60 tháng											
15.5	Có kỳ hạn từ trên 60 tháng											
16	Tổng cộng (9+15)											

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng gửi báo cáo cho NHNN thông qua Cục Công nghệ tin học.

- Số liệu toàn hệ thống;
- Số liệu từng chi nhánh tổ chức tín dụng trong hệ thống (nếu có).

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Vụ Dự báo, thống kê; NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Báo cáo này thống kê số dư tại cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.
- Thống kê số dư huy động vốn của tổ chức tín dụng theo từng loại hình sản phẩm từ Người cư trú của Việt Nam và Người không cư trú của Việt Nam (không bao gồm tổ chức tín dụng).
- Thống kê theo loại tiền VND và các loại ngoại tệ quy đổi ra VND theo hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư này.
- Cột (1) đến cột (6): Thống kê các khoản huy động vốn của khách hàng là Người cư trú của Việt Nam:
 - + Cột (1): Thống kê số dư huy động vốn của Chính phủ, cơ quan Chính phủ và các cơ quan trực thuộc Chính phủ.
 - + Cột (2): Thống kê số dư huy động vốn các tổ chức không phải tổ chức tín dụng. Các tổ chức không phải tổ chức tín dụng được quy định tại điểm 10 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư này.
 - + Cột (3): Thống kê số dư huy động vốn của các hộ kinh doanh, cá nhân.
 - + Cột (4): Thống kê số dư huy động vốn của doanh nghiệp trong nước (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).
 - + Cột (5): Thống kê số dư huy động vốn của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông và được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - + Cột (6): Thống kê số dư huy động vốn của tổ chức khác (không bao gồm số dư tiền gửi được thống kê tại các cột (1), (2), (3), (4), (5)).

- + Cột (7) = Tổng các cột từ (1) đến (6).
- Cột (8) đến cột (10): Thống kê các khoản huy động vốn của khách hàng là Người không cư trú của Việt Nam:
 - + Cột (8): Thống kê số dư huy động vốn của các hộ kinh doanh, cá nhân.
 - + Cột (9): Thống kê số dư huy động vốn của doanh nghiệp.
 - + Cột (10): Thống kê số dư huy động vốn của tổ chức khác (không bao gồm số dư tiền gửi được thống kê tại các cột (8), (9)).
- + Cột (11) = Tổng các cột từ (8) đến (10).